

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 51/2021/HS-ST
Ngày: 23-7-2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Sơn;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Đặng Văn T, sinh năm 1976, Tên gọi khác: Không; Nơi sinh và nơi cư trú: Số nhà 16/408, phường X, quận B, thành phố H; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ học vấn: 8/12; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con ông: Đặng Văn T, sinh năm 1950 (đã chết) và con bà: Dương Thị T, sinh năm 1954, Gia đình có 04 anh chị em; bị cáo là thứ nhất; Có vợ: Dương Thị Thu H, sinh năm 1976; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 18-11-1994, bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “ Hủy hoại tài sản của công dân”; Ngày 20-10-1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh H xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân”; Ngày 15-8-2008, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “ Cố ý gây thương tích”; Ngày 16-9-2008, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, “Tổ chức đánh bạc”, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương ngày 02-7-2014; Ngày 30-11-2017, bị Công an quận B, thành phố H xử phạt hành chính 2.500.000 đồng về hành vi che giấu tội phạm.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09-4-2021 đến ngày 18-4-2021 thì chuyển tạm giam cho đến nay. “có mặt”

- **Bị hại:** Anh Lương Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 17, xã HQ, huyện H, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”

- **Người làm chứng:**

+ Chị Bùi Thị Thùy L, sinh năm 2000; “có mặt”

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991; “vắng mặt”

+ Anh Trịnh Hữu K, sinh năm 2001; “vắng mặt”

+ Anh Trịnh Hữu G, sinh năm 1979; “vắng mặt”

+ Ông Lương Quang P sinh năm 1955. “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2017, Đặng Văn T và chị Bùi Thị Thùy L, sinh năm 2000, trú tại xóm 13, xã HH, huyện H, tỉnh Nam Định có quan hệ tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng và có một con chung là cháu Bùi An P, sinh năm 2018 bị mắc bệnh tim bẩm sinh, thường xuyên đau ốm phải đi điều trị. Chiều ngày 07-4-2021, T đi xe ô tô khách từ H về nhà chị L để thăm con. Do muốn có tiền chữa bệnh cho con, T nảy sinh ý định tìm tài sản sở hữu để trộm cắp. Khoảng 2 giờ sáng ngày 08-4-2021 T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 18H1-127.62 đi từ nhà L đến khu vực xóm 17, xã HQ, huyện H thì phát hiện 01 xe ba bánh tự chế màu xanh nhãn hiệu Khánh Huyền của anh Lương Văn T, sinh năm 1980, trú tại xóm 17, xã HQ, huyện H đang đỗ bên phải lề đường, không có người trông coi, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện. T rút chìa khóa xe ba bánh rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà chị L. Đến cổng nhà chị L, T nhắn tin cho chị L ra ngoài đi cùng T có việc, chị L đồng ý. Trên đường đi T nói với chị L đi lấy chiếc xe ba bánh T mua lúc chiều, vừa sửa xong. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở chị L ra vị trí để xe của anh T và dùng chìa khóa đã lấy trước đó nổ máy đi trước, còn L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18H1-127.62 đi theo sau. T điều khiển xe ba bánh đến bãi đất trống thuộc xã V, huyện T, tỉnh Nam Định để lại đó rồi cùng chị L đi về. Trên đường về, T gọi điện cho Nguyễn Văn Q sinh năm 1991, trú tại thôn T xã T huyện C thành phố Hà Nội đặt vấn đề bán chiếc xe ba bánh trên. Khoảng 6 giờ ngày 08-4-2021, Q gọi điện cho T hẹn xuống xem xe rồi gọi điện cho anh Trịnh Hữu G, sinh năm 1979, trú tại thôn P, xã T huyện C thuê chở hàng từ Nam Định về Hà nội, anh G đồng ý và bảo Trịnh Hữu K, sinh năm 2001 (là con trai anh G) điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 29C-723.30 đến đón Q. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, anh Q cùng K về xem xe, anh Q trả giá 7.000.000 đồng nhưng T không đồng ý. Đến ngày 9-4-2021 biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát hiện nên Đặng Văn T đến Công an huyện H đầu thú và thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan điều tra Công an huyện H đã thu giữ 01 chiếc xe ba bánh nhãn hiệu Khánh Huyền; thu giữ: của bị cáo 01 xe mô tô biển kiểm soát 18H1-127.62; 01 chiếc điện thoại Iphone 6s plus và 01 sim điện thoại thuê bao số 0984.533.663; của chị Bùi Thị Thùy L 01 điện thoại Iphone; của anh Nguyễn Văn Q 01 điện thoại Oppo; của anh Trịnh Hữu K 01 điện thoại Iphone X, 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 29C-72330 cùng 01 đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, 01 giấy mua bán xe và 01 căn cước công dân mang tên Trịnh Hữu K.

Quá trình điều tra, Đặng Văn Ti còn khai nhận: Khoảng 8 giờ ngày 05-4-2021, T mua 01 xe ba bánh tự chế, loại máy xăng, màu xanh, tay lái dạng xe máy cũ của một người đàn ông khoảng 45 tuổi không quen biết với giá 4.700.000 đồng tại khu vực thị trấn Q, huyện G và bán lại cho anh Nguyễn Văn Q với giá 6.000.000 đồng. Qua xác minh chiếc xe trên là tài sản của anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1983, trú tại xóm 6, xã H H, huyện H bị mất trộm vào đêm ngày 04-4-2021 tại xóm 6, xã HH, huyện H. Quá trình điều tra chưa xác định đối tượng gây án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách ra để điều tra xử lý sau.

Tại bản kết luận định giá số 16/KL-HĐĐG ngày 14-4-2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện H kết luận: Tại thời điểm định giá 01 xe ba bánh màu xanh, loại máy dầu, lốp kép, nhãn hiệu Khánh Huyền, xe đã qua sử dụng có trị giá là 25.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là anh Lương Văn T. Sau khi nhận lại tài sản, anh T không có đề nghị gì thêm về phần dân sự.

Bản cáo trạng số 46/CT-VKSHH ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 21 tháng tù đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09-4-2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh T đã được nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên không đặt ra xem xét.

Phản tranh luận tại phiên tòa: Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa: Bị hại và một số người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ lời khai của họ trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Đặng Văn T tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ như: Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, đơn đề nghị của bị hại, đơn xin đầu thú của bị cáo, lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản thu giữ và trao trả vật chứng và các tài liệu khác đã được lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ ngày 08-4-2021, tại khu vực xóm 17, xã HQ, huyện H, tỉnh Nam Định. Đặng Văn T đã lợi dụng sơ hở của bị hại và không có người trông coi, T đã lén lút chiếm đoạt của anh Lương Văn T, sinh năm 1980, trú tại xóm 17, xã HQ, huyện H 01 chiếc xe ba bánh tự chế màu xanh nhãn hiệu Khánh Huyền trị giá 25.000.000 đồng rồi đem đi cất giấu. Hành vi nêu trên của bị cáo Đặng Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thì thấy: Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, lén lút trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng trật tự trị an xã hội và bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị Tòa án đưa ra xét xử, bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; sau khi bị phát hiện bị cáo đã ra đầu thú, số tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo có bổ đề là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba và Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba nên Hội

đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như phân tích ở trên. Xét thấy cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để quyết định một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo mục đích của hình phạt, đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà hôm nay là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập và công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là anh Lương Văn T đã được nhận lại chiếc xe ba bánh. Sau khi nhận lại tài sản, anh T không có đề nghị gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Chiếc điện thoại Iphone 6s Plus thu giữ của Đặng Văn T do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước; 01 sim điện thoại có số thuê bao 0984.533.663 không còn giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18H1-127.62 là tài sản hợp pháp của chị Bùi Thị D, sinh năm 1994, trú tại xã H H, huyện H (là chị gái của Bùi Thị Thùy L), hiện đang do chị L quản lý và sử dụng. Chị L không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L quản lý và sử dụng là phù hợp.

- 01 điện thoại Iphone của chị Bùi Thị Thùy L; 01 điện thoại Oppo của anh Nguyễn Văn Q; 01 điện thoại Iphone X, 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 29C-72330 cùng 01 đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, 01 giấy mua bán xe và 01 căn cước công dân mang tên Trịnh Hữu K của anh Trịnh Hữu K. Xét các tài sản trên không liên quan đến việc phạm tội, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L, anh Q và anh K là phù hợp pháp luật.

[9] Đối với chị Bùi Thị Thùy L đi cùng T lấy xe ba bánh, anh Nguyễn Văn Q, là người giao dịch mua lại xe của T, anh Trịnh Hữu G và Trịnh Hữu K được Q thuê đi chở xe nhưng không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý bằng pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đặng Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09-4-2021

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 6s Plus vỏ màu trắng.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại có số thuê bao 0984.533.663.

(Vật chứng nêu trên được mô tả như Biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H ngày 22-7-2021).

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- UBND phường X;
- THA HS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thúy Nga

